

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu Lan

2. Ông Trần Như Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị P, sinh năm 1995. CCCD số 015195009975 ngày cấp 11/8/2021. Nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn A, xã M, tỉnh Lào Cai (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngô Quang Đ, sinh năm 1992. CCCD số 015092007760 ngày cấp 11/8//2021. Nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn A, xã M, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bàn Thị P trình bày: Tôi và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 13/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ không tôn trọng tôi, kinh tế vợ chồng của ai người đó tiêu, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra căng thẳng và chúng tôi sống ly thân nhau từ tháng 11/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa

án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Trần Ngô Quang Đ.

Về con chung: Có 02 cháu Trần Gia N sinh ngày 14/4/2017; Trần Bảo H sinh ngày 14/8/2019. Khi ly hôn tôi đồng ý anh Đ nuôi hai con và tôi cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh Đ tại thôn A, xã M, tỉnh Lào Cai. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh Đ. Anh Đ đã nhận và anh Đ biết việc Tòa án báo gọi để giải quyết việc chị P xin ly hôn anh. Nhưng anh Đ không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử chị Bàn Thị P được ly hôn anh Trần Ngô Quang Đ.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Giao con chung là Trần Gia N sinh ngày 14/4/2017; Trần Bảo H sinh ngày 14/8/2019 cho anh Trần Ngô Quang Đ nuôi dưỡng chăm sóc, chị Bàn Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 chị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị P và anh Trần Ngô Quang Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 13 tháng 11 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Chị P cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ không tôn trọng chị P, kinh tế vợ chồng của ai người đó tiêu, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra căng thẳng và anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị P xin ly hôn anh Đ là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị P được ly hôn anh Đ là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Trần Gia N sinh ngày 14/4/2017; Trần Bảo H sinh ngày 14/8/2019. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh Đ và gia đình anh Đ. Khi ly hôn chị P đồng ý anh Đ nuôi hai con và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu và theo nguyện vọng của cháu N. Do vậy cần giao cháu N và cháu H cho anh Đ nuôi dưỡng, chị P cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 5/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Yêu cầu của chị P về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con không trái quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P xác nhận không có.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bàn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bàn Thị P phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; khoản 1 Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị P được ly hôn anh Trần Ngô Quang Đ.

2. Về con chung: Có 02 cháu Trần Gia N sinh ngày 14/4/2017; Trần Bảo H sinh ngày 14/8/2019.

Xử giao cháu Trần Gia N và cháu Trần Bảo H cho anh Trần Ngô Quang Đ trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Bàn Thị P cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 05/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số: 0000319 ngày 26 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Bàn Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Bàn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con (chị P chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị P được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Ngô Quang Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự (2)
- UBND xã Tân Hợp
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng